

**HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
BCH HND TỈNH CÀ MAU**

*

Số 55-QĐ/HNDT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cà Mau, ngày 14 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận danh hiệu Hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi cấp tỉnh,
giai đoạn 2016 – 2020**

Căn cứ Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam;

Căn cứ Luật Thi đua - Khen thưởng;

Căn cứ Quy định số 944-QĐ/HNDTW, ngày 04/9/2014 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về tiêu chuẩn hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp;

Căn cứ Hướng dẫn số 06-HD/HNDT, ngày 20/10/2014 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về tiêu chuẩn hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp;

Xét thành tích của các hộ nông dân trong thực hiện phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi và đề nghị của Ban Thường vụ Hội Nông dân các huyện, thành phố Cà Mau;

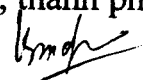
Căn cứ Kết luận cuộc họp Ban Thường vụ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc xét công nhận hộ sản xuất, kinh doanh giỏi, giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Ban Kinh tế - Xã hội Hội Nông dân tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ HỘI NÔNG DÂN TỈNH CÀ MAU

QUYẾT ĐỊNH:

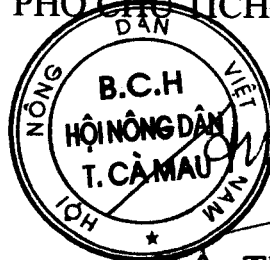
Điều 1: Công nhận 426 hộ nông dân các huyện, thành phố Cà Mau đạt danh hiệu *hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi cấp tỉnh giai đoạn 2016 - 2020* (Có danh sách kèm theo).

Điều 2: Chánh Văn phòng, Ban Kinh tế - Xã hội Hội Nông dân tỉnh; Chủ tịch Hội Nông dân các huyện, thành phố Cà Mau và các cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Ban KT-XH; VP.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Trần Thị Quyết

Cà Mau, ngày 10 tháng 7 năm 2020

DANH SÁCH
HỘ ĐẠT DANH HIỆU NÔNG DÂN SX – KD GIỎI CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

Thành phố Cà Mau

STT	Họ và Tên	Năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ
		Nam	Nữ		
1	Quách Duy Lâm	1972		Kinh	Khóm 1, Phường 1
2	Võ Khắc Huy	1966		Kinh	Khóm 1, Phường 1
3	Trần Vũ Đức	1958		Kinh	Khóm 2, Phường 1
4	La Văn Thành	1960		Kinh	Khóm 2, Phường 1
5	Thạch Thị Cẩm Vân		1955	Khrme	Khóm 6, Phường 1
6	Trần Chí Kim	1971		Hoa	Khóm 1, Phường 4
7	Trần Quốc Hiệp	1970		Kinh	Khóm 4, Phường 4
8	Nguyễn Văn Hải	1968		Kinh	Khóm 4, Phường 4
9	Đặng Quốc Huy	1990		Kinh	Khóm 4, Phường 4
10	Nguyễn Văn Viên	1952		Kinh	Khóm 4, Phường 6
11	Nguyễn Phú Diên	1961		Kinh	Khóm 6, Phường 6
12	Nguyễn Tài Của	1951		Kinh	Khóm 7, Phường 6
13	Nguyễn Tài Hương	1956		Kinh	Khóm 7, Phường 6
14	Huỳnh Thanh Lâm	1975		Kinh	Khóm 7, Phường 6
15	Đỗ Thành Mè	1963		Kinh	Khóm 8, Phường 6
16	Nguyễn Văn Hiếu	1966		Kinh	Khóm 1, phường Tân Xuyên
17	Nguyễn Văn Dũng	1956		Kinh	Khóm 1, phường Tân Xuyên
18	Huỳnh Minh Cơ	1946		Kinh	Khóm 2, phường Tân Xuyên
19	Dương Văn Lam	1961		Kinh	Khóm 2, phường Tân Xuyên
20	Phạm Hoàng Trung	1964		Kinh	Khóm 2, phường Tân Xuyên
21	Lê Thanh Hận	1972		Kinh	Khóm 2, phường Tân Xuyên
22	Đặng Văn Ngon	1952		Kinh	Khóm 2, phường Tân Xuyên
23	Nguyễn Văn Hậu	1948		Kinh	Khóm 2, phường Tân Xuyên
24	Phạm Hoàng Nam	1958		Kinh	Khóm 2, phường Tân Xuyên
25	Huỳnh Văn Đơ	1967		Kinh	Khóm 2, phường Tân Xuyên
26	Tăng Văn Hòa	1954		Kinh	Khóm 3, phường Tân Xuyên
27	Từ Văn Khổng	1952		Kinh	Khóm 3, phường Tân Xuyên
28	Tăng Văn Đường	1952		Kinh	Khóm 4, phường Tân Xuyên
29	Nguyễn Văn Gìn	1954		Kinh	Khóm 4, phường Tân Xuyên
30	Nguyễn Văn Mạnh	1955		Kinh	Khóm 5, phường Tân Xuyên
31	Nguyễn Hữu Ánh	1956		Kinh	Khóm 1, Phường Tân Thành
32	Cao Tấn Năm	1978		Kinh	Khóm 2, Phường Tân Thành
33	Cao Văn Dũng	1970		Kinh	Khóm 2, Phường Tân Thành
34	Nguyễn Quang Khải	1964		Kinh	Khóm 3, Phường Tân Thành
35	Đặng Huỳnh Giang	1978		Kinh	Khóm 4, Phường Tân Thành
36	Trương Quốc Vạn	1958		Kinh	Khóm 5, Phường Tân Thành

37	Phan Ngọc Tuấn	1982		Kinh	Khóm 5, Phường Tân Thành
38	Cao Văn Sáu	1977		Kinh	Khóm 6, Phường Tân Thành
39	Cao Hoàng Hiệu	1965		Kinh	Khóm 6, Phường Tân Thành
40	Huỳnh Văn Bê	1955		Kinh	Ấp 2, xã Tân Thành
41	Hồ Trường Giang	1980		Kinh	Ấp 3, xã Tân Thành
42	Ngô Văn Sướng	1959		Kinh	Ấp 3, xã Tân Thành
43	Huỳnh Văn Hận	1952		Kinh	Ấp 3, xã Tân Thành
44	Trần Văn Cứng	1947		Kinh	Ấp 4, xã Tân Thành
45	Lê Ngọc Phé	1950		Kinh	Ấp 4, xã Tân Thành
46	Tô Chấn Thi	1969		Kinh	Ấp 4, xã Tân Thành
47	Thái Văn Thiệp	1962		Kinh	Ấp 4, xã Tân Thành
48	Hồ Đại Phúc	1972		Kinh	Ấp 4, xã Tân Thành
49	Dương Văn Dũng	1964		Kinh	Ấp 4, xã Tân Thành
50	Nguyễn Bá Thông	1970		Kinh	Ấp 4, xã Tân Thành
51	Hồng Thanh Tân	1955		Kinh	Ấp 4, xã Tân Thành
52	Trần Quốc Hận	1964		Kinh	Ấp 4, xã Tân Thành
53	Trần Thanh Diệu	1976		Kinh	Ấp 5, xã Tân Thành
54	Trương Văn Thức	1955		Kinh	Ấp 5, xã Tân Thành
55	Nguyễn Thanh Hà	1965		Kinh	Ấp 5, xã Tân Thành
56	Huỳnh Thanh Sự	1967		Kinh	Ấp 5, xã Tân Thành
57	Trương Văn Ân	1960		Kinh	Ấp 5, xã Tân Thành
58	Trương Văn Bia	1965		Kinh	Ấp 5, xã Tân Thành
59	Phan Tấn Lực	1958		Kinh	Ấp 5, xã Tân Thành
60	Trương Hoàng Vũ	1984		Kinh	Ấp 5, xã Tân Thành
61	Trần Quang Háo	1983		Kinh	Ấp 5, xã Tân Thành
62	Trương Minh Thá	1975		Kinh	Ấp 5, xã Tân Thành
63	Trần Thanh Liêm	1972		Kinh	Ấp 5, xã Tân Thành
64	Trần Quang Hiên	1956		Kinh	Ấp 5, xã Tân Thành
65	Nguyễn Văn Hương	1952		Kinh	Ấp 6, xã Tân Thành
66	Trương Văn Kém	1978		Kinh	Ấp 6, xã Tân Thành
67	Cao Văn Việt	1960		Kinh	Ấp 6, xã Tân Thành
68	Tăng Diên Hồng	1946		Kinh	Ấp 6, xã Tân Thành
69	Trần Minh Phương	1964		Kinh	Ấp 6, xã Tân Thành
70	Nguyễn Quốc Điền	1964		Kinh	Ấp 6, xã Tân Thành
71	Cao Văn Chính	1974		Kinh	Ấp 6, xã Tân Thành
72	Huỳnh Thanh Kiêm	1947		Kinh	Ấp Bình Định, xã Tân Thành
73	Lê Trung Hiếu	1969		Kinh	Ấp Bình Định, xã Tân Thành
74	Huỳnh Văn Nghê	1945		Kinh	Ấp Bình Định, xã Tân Thành
75	Trần Hoàng Minh	1960		Kinh	Ấp Bình Định, xã Tân Thành
76	Châu Minh Phú	1976		Kinh	Ấp Bình Định, xã Tân Thành
77	Nguyễn Văn Xính	1945		Kinh	Ấp Bình Định, xã Tân Thành
78	Huỳnh Hữu Ut	1967		Kinh	Ấp Bình Định, xã Tân Thành
79	Nguyễn Văn Phùng	1971		Kinh	Ấp 3, xã An Xuyên
80	Lâm Văn Chiêu	1980		Kinh	Ấp 3, xã An Xuyên
81	Nguyễn Thành Dũng	1957		Kinh	Ấp 3, xã An Xuyên
82	Nguyễn Thanh Tịnh	1976		Kinh	Ấp 3, xã An Xuyên
83	Giang Văn Nhỏ	1945		Kinh	Ấp 4, xã An Xuyên
84	Lư Văn Thả	1950		Kinh	Ấp 4, xã An Xuyên

85	Võ Hoàng Giang	1978		Kinh	Áp 8, xã An Xuyên
86	Phạm Hoàng Huynh	1977		Kinh	Áp 8, xã An Xuyên
87	Cao Xuân Hải	1981		Kinh	Áp 8, xã An Xuyên
88	Lý Minh Điện	1975		Kinh	Áp Tân Hiệp, xã An Xuyên
89	Nguyễn Văn Do	1954		kinh	Áp Cây Trâm A, xã Định Bình
90	Phan Hữu Dũng	1954		kinh	Áp Cây Trâm A, xã Định Bình
91	Nguyễn Ngọc Dũng	1953		kinh	Áp Cây Trâm A, xã Định Bình
92	Nguyễn Công Sáu	1975		kinh	Áp Cây Trâm A, xã Định Bình
93	Trần Văn Đàm	1966		kinh	Áp Bùng Binh, xã Hòa Thành
94	Lư Quốc Khanh	1978		kinh	Áp Tân Hóa, xã Hòa Thành
95	Nguyễn Tiến Hùng	1948		Kinh	Áp Hòa Nam, xã Hòa Thành
96	Bào Anh Tú	1953		Kinh	Áp Hòa Nam, xã Hòa Thành
97	Liên Văn Chính	1972		Kinh	Áp Hòa Nam, xã Hòa Thành
98	Lưu Đức Hiền	1947		Kinh	Áp Hòa Nam, xã Hòa Thành
99	Lê Văn Chăng	1959		Kinh	Áp Hòa Nam, xã Hòa Thành
100	Danh Uôn	1951		Khmer	Áp Hòa Trung, xã Hòa Thành
101	Trần Văn Thường	1958		Kinh	Áp Hòa Trung, xã Hòa Thành
102	Đặng Hữu Phước	1950		Kinh	Áp Hòa Trung, xã Hòa Thành
103	Trương Chí Thiện	1970		Kinh	Áp Tân Trung, xã Hòa Thành
104	Nguyễn Thành Xuân	1954		Kinh	Áp Tân Trung, xã Hòa Thành
105	Phạm Hoài Nhơn	1943		Kinh	Áp Tân Trung, xã Hòa Thành
106	Nguyễn Văn Nghiêm	1957		Kinh	Áp Tân Hóa, xã Hòa Thành
107	Nguyễn Quốc Nam	1974		Kinh	Áp Tân Hóa, xã Hòa Thành
108	Phạm Văn Xê	1963		Kinh	Áp Tân Hóa A, xã Hòa Thành
109	Trần Văn Muôi	1972		Kinh	Áp Tân Hóa A, xã Hòa Thành
110	Nguyễn Thanh Hùng	1954		Kinh	Áp Tân Hóa A, xã Hòa Thành
111	Nguyễn Linh Thường	1962		Kinh	Áp Tân Hóa A, xã Hòa Thành
112	Nguyễn Văn Bình	1974		Kinh	Áp Tân Hóa A, xã Hòa Thành
113	Nguyễn Quốc Quân	1955		Kinh	Áp Tân Hóa A, xã Hòa Thành
114	Huỳnh Văn Khải	1979		Kinh	Áp Bùng Binh, xã Hòa Thành
115	Trương Bửu Khánh	1960		Kinh	Áp Tân Phong A, xã Hòa Thành
116	Tô Thanh Phong	1960		kinh	Áp 1, xã Tác Vân
117	Trần Văn Biều	1957		Kinh	Áp 3, xã Tác Vân
118	Cao Văn Quyền	1944		Kinh	Áp 3, xã Tác Vân
119	Nguyễn Văn Hữu	1948		Kinh	Áp 3, xã Tác Vân
120	Ngô Thúy Kiều		1978	Kinh	Áp 3, xã Tác Vân
121	Quách Minh	1930		Kinh	Áp 3, xã Tác Vân
122	Nguyễn Văn Giàu	1964		Kinh	Áp 3, xã Tác Vân
123	Trần Văn Trắng	1952		Kinh	Áp 3, xã Tác Vân

Cà Mau, ngày 10 tháng 7 năm 2020

DANH SÁCH
HỘ ĐẠT DANH HIỆU NÔNG DÂN SX – KD GIỎI CẤP TỈNH
GIẢI ĐOẠN 2016-2020

HUYỆN CÁI NƯỚC

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ
		Nam	Nữ		
01	Nguyễn Văn Thum	1957		Kinh	Ấp Bào Kè, xã Lương Thế Trân
02	Phan Văn Thám	1954		Kinh	Ấp Bào Kè, xã Lương Thế Trân
03	Đỗ Thanh Nhuận	1963		Kinh	Ấp Bào Kè, xã Lương Thế Trân
04	Trần Thanh Tuấn	1969		Kinh	Ấp Bào Kè, xã Lương Thế Trân
05	Phạm Văn Lợi	1957		Kinh	Ấp Hòa Trung, xã Lương Thế Trân
06	Mã Khánh Tùng	1976		Kinh	Ấp Hòa Trung, xã Lương Thế Trân
07	Lâm Châu Kỳ	1978		Kinh	Ấp Hòa Trung, xã Lương Thế Trân
08	Nguyễn Ngọc Sạch	1956		Kinh	Ấp Hòa Trung, xã Lương Thế Trân
09	Trần Văn Thuận	1962		Kinh	Ấp Hòa Trung, xã Lương Thế Trân
10	Hùynh Văn Cầm	1956		Kinh	Ấp Hòa Trung, xã Lương Thế Trân
11	Nguyễn Văn Chuẩn	1955		Kinh	Ấp Trung Thành, xã Lương Thế Trân
12	Nguyễn Minh Hiền	1961		Kinh	Ấp Trung Hưng, xã Lương Thế Trân
13	Phan Tấn Phong	1975		Kinh	Ấp Năm Đám, xã Lương Thế Trân
14	Trần Bữu	1960		Kinh	Ấp Kinh Lớn, xã Đông Thới
15	Nguyễn Văn Út	1954		Kinh	Ấp Kinh Lớn, xã Đông Thới
16	Hồ Văn Nhã	1981		Kinh	Ấp Kinh Lớn, xã Đông Thới
17	Nguyễn Việt Khả	1977		Kinh	Ấp Bào Tròn, xã Đông Thới
18	Phạm Văn Đến	1957		Kinh	Ấp Bào Tròn, xã Đông Thới
19	Nguyễn Văn Thận	1949		Kinh	Ấp Bào Tròn, xã Đông Thới
20	Phạm Vĩnh Tâm	1962		Kinh	Ấp Bào Tròn, xã Đông Thới
21	Nguyễn Văn Hạp	1958		Kinh	Ấp Bào Tròn, xã Đông Thới
22	Bùi Thanh Phương	1966		Kinh	Ấp Bào Tròn, xã Đông Thới
23	Võ Minh Thâm	1974		Kinh	Ấp Bào Tròn, xã Đông Thới

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ
		Nam	Nữ		
24	Ngô Văn Cảnh	1968		Kinh	Áp Thị Tường, xã Hòa Mỹ
25	Trần Văn Tới	1945		kinh	Áp Vịnh Gốc, xã Hưng Mỹ
26	Trịnh Quốc Chung	1967		Kinh	Áp Vịnh Gốc, xã Hưng Mỹ
27	Châu Quốc Việt	1966		Kinh	Áp Vịnh Gốc, xã Hưng Mỹ
28	Luồng Văn Nước	1958		Kinh	Áp Vịnh Gốc, xã Hưng Mỹ
29	Nguyễn Hoàng Dương	1956		Kinh	Áp Vịnh Gốc, xã Hưng Mỹ
30	Trương Văn Nghi	1970		Kinh	Áp Vịnh Gốc, xã Hưng Mỹ
31	Đặng Minh Chiến	1966		Kinh	Áp Vịnh Gốc, xã Hưng Mỹ
32	Trần Tấn Thuận	1976		Kinh	Áp Rau Dừa B, xã Hưng Mỹ
33	Nguyễn Văn Lên	1970		Kinh	Áp Rau Dừa B, xã Hưng Mỹ
34	Nguyễn Văn Bi	1951		Kinh	Áp Lý Ân, xã Hưng Mỹ
35	Nguyễn Thị Kiều	1961		Kinh	Áp Lý Ân, xã Hưng Mỹ
36	Huỳnh Thanh Mãi	1977		Kinh	Áp Bùng Binh, xã Hưng Mỹ
37	Võ Văn Nghi	1959		Kinh	Áp Bùng Binh, xã Hưng Mỹ
38	Quách Văn Loán	1960		Kinh	Áp Rau Dừa, xã Hưng Mỹ
39	Phạm Văn Tăng	1945		Kinh	Áp Rau Dừa, xã Hưng Mỹ
40	Ngô Minh Tuấn	1948		Kinh	Áp Rau Dừa, xã Hưng Mỹ
41	Nguyễn Quốc Tuấn	1970		Kinh	Áp Rau Dừa, xã Hưng Mỹ
42	Nguyễn Hữu Chiến	1963		Kinh	Áp Rau Dừa, xã Hưng Mỹ
43	Phạm Minh Hữu	1948		Kinh	Áp Đức An, xã Phú Hưng
44	Mạc Trung Tá	1967		Kinh	Áp Phấn Thạnh, xã Thạnh Phú
45	Huỳnh Văn Thật	1963		Kinh	Áp Phấn Thạnh, xã Phú Hưng
45	Nguyễn Chí Luân	1962		Kinh	Áp Phấn Thạnh, xã Phú Hưng
47	Dương Quốc Tuấn	1964		Kinh	Áp Láng Cùng, xã Thạnh Phú
48	Nguyễn Văn Hai	1948		Kinh	Áp Láng Cùng, xã Thạnh Phú
49	Trần Ngọc Thanh	1954		Kinh	Áp Bình Thành, xã Trần Thới
50	Hồ Minh Anh	1954		Kinh	Áp Công Trung, xã Trần Thới

Cà Mau, ngày 10 tháng 7 năm 2020

DANH SÁCH
HỘ ĐẠT DANH HIỆU NÔNG DÂN SX – KD GIỎI CẤP TỈNH
GIAI ĐOẠN 2016-2020

HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ
		Nam	Nữ		
01	Đặng Văn Trung	1961		Kinh	Ấp Cò Xước, xã Lợi An
02	Nguyễn Văn Hội	1951		Kinh	Ấp Cò Xước, xã Lợi An
03	Văn Văn Le	1972		Kinh	Ấp Tân Tiến, xã Phong Điền
04	Phan Việt Hận	1968		Kinh	Ấp Vàm Xáng, xã Phong Điền
05	Trương Văn Diễm	1973		Kinh	Ấp Vàm Xáng, xã Phong Điền
06	Lý Kim Lợi		1963	Kinh	Khóm 7, thị trấn Sông Đốc
07	Lâm Trung Kiên	1971		Kinh	Ấp 9, xã Khánh Bình Đông
08	Phan Văn Đời	1975		Kinh	Ấp Kinh Hăng A, xã Khánh Hưng
09	Trần Văn Tài	1959		Kinh	Ấp Kinh Hăng A, xã Khánh Hưng
10	Lê Anh Quý	1960		Kinh	Ấp Kinh Hăng A, xã Khánh Hưng
11	Đào Bá Chí	1975		Kinh	Ấp Kinh Hăng C, xã Khánh Hưng
12	Dương Minh Triều	1968		Kinh	Ấp Kinh Hăng C, xã Khánh Hưng
13	Lê Văn Tạo	1953		Kinh	Ấp Kinh Hăng C, xã Khánh Hưng
14	Mai Văn Minh	1984		Kinh	Ấp Kinh Hăng C, xã Khánh Hưng
15	Võ Minh Lý	1982		Kinh	Ấp Kinh Hăng C, xã Khánh Hưng
16	Trần Đắc Khải	1949		Kinh	Ấp Công Nghiệp B, xã Khánh Hưng

DANH SÁCH
Hộ đạt danh hiệu Nông dân SX - KD giỏi cấp tỉnh
giai đoạn 2016 - 2020

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ
		Nam	Nữ		
I	XÃ KHÁNH THUẬN				
01	Đỗ Minh Đăng	1965		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
02	Huỳnh Văn Kiệt	1964		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
03	Trịnh Xuân Trường	1968		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
04	Hồng Văn Bào	1952		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
05	Nguyễn Văn Hiệp	1950		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
06	Huỳnh Văn Thơ	1959		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
07	Phạm Văn Quân	1963		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
08	Lâm Thanh Hùng	1957		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
09	Trần Văn Lý	1955		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
10	Võ Văn Tiên	1957		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
11	Phan Hoàng Bé	1959		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
12	Nguyễn Văn Mạnh	1963		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
13	Trịnh Văn Hùng	1957		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
14	Đặng Văn Liêm	1958		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
15	Hồ Thanh Dũng	1965		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
16	Trần Văn Đa	1962		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
17	Nguyễn Văn Diệu	1959		Kinh	Ấp 1, xã Khánh Thuận
18	Lê Văn Sơn	1949		Kinh	Ấp 3, xã Khánh Thuận
19	Lê Văn Đông	1941		Kinh	Ấp 3, xã Khánh Thuận
20	Trần Văn Luận	1965		Kinh	Ấp 3, xã Khánh Thuận
21	Phạm Phú Quốc	1954		Kinh	Ấp 3, xã Khánh Thuận
22	Huỳnh Minh Cảnh	1960		Kinh	Ấp 9, xã Khánh Thuận
23	Bùi Thị Đạm		1978	Kinh	Ấp 9, xã Khánh Thuận
24	Nguyễn Hữu Thoại	1977		Kinh	Ấp 9, xã Khánh Thuận
25	Nguyễn Văn Dể	1959		Kinh	Ấp 9, xã Khánh Thuận
26	Huỳnh Văn Thơm	1956		Kinh	Ấp 9, xã Khánh Thuận
27	Lê Văn Hùng	1956		Kinh	Ấp 10, xã Khánh Thuận
28	Phan Thanh Trung	1962		Kinh	Ấp 12, xã Khánh Thuận

29	Trịnh Tấn Truyền	1941		Kinh	Ấp 12, xã Khánh Thuận
30	Nguyễn Đồng Khởi	1970		Kinh	Ấp 12, xã Khánh Thuận
31	Nguyễn Trung Kiên	1983		Kinh	Ấp 17, xã Khánh Thuận
32	Lê Hoàng Thuận	1971		Kinh	Ấp 19, xã Khánh Thuận
33	Huỳnh Văn Hoàng	1960		Kinh	Ấp 19, xã Khánh Thuận
34	Nguyễn Tấn Kiệt	1966		Kinh	Ấp 20, xã Khánh Thuận
II	XÃ KHÁNH HÒA				
35	Triệu Quang Hai	1946		Kinh	Ấp 2, xã Khánh Hòa
36	Trương Minh Thùy	1961		Kinh	Ấp 2, xã Khánh Hòa
37	Nguyễn Văn Hây	1969		Kinh	Ấp 2, xã Khánh Hòa
38	Phạm Phong Phú	1981		Kinh	Ấp 5, xã Khánh Hòa
39	Phạm Văn Tinh	1961		Kinh	Ấp 5, xã Khánh Hòa
40	Ngô Trường Vũ	1967		Kinh	Ấp 5, xã Khánh Hòa
41	Phạm Văn Niệm	1955		Kinh	Ấp 5, xã Khánh Hòa
42	Võ Văn Năng	1965		Kinh	Ấp 5, xã Khánh Hòa
43	Lâm Quang Chăng	1964		Kinh	Ấp 5, xã Khánh Hòa
44	Đỗ Văn Nhiều	1975		Kinh	Ấp 6, xã Khánh Hòa
45	Lê Minh Tuấn	1953		Kinh	Ấp 6, xã Khánh Hòa
46	Lê Việt Triều	1975		Kinh	Ấp 6, xã Khánh Hòa
47	Phạm Văn Trọng	1963		Kinh	Ấp 6, xã Khánh Hòa
48	Lê Văn Hải	1944		Kinh	Ấp 6, xã Khánh Hòa
49	Nguyễn Văn Lào	1969		Kinh	Ấp 6, xã Khánh Hòa
50	Đào Thanh Nhớ	1956		Kinh	Ấp 7, xã Khánh Hòa
51	Nguyễn Thị Tuyết		1949	Kinh	Ấp 7, xã Khánh Hòa
52	Nguyễn Bình Đăng	1959		Kinh	Ấp 7, xã Khánh Hòa
53	Nguyễn Tấn Hưng	1946		Kinh	Ấp 8, xã Khánh Hòa
54	Phạm Văn Thanh	1960		Kinh	Ấp 8, xã Khánh Hòa
55	Phạm Trọng Triều	1964		Kinh	Ấp 14, xã Khánh Hòa
56	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh		1972	Kinh	Ấp 14, xã Khánh Hòa
III	XÃ KHÁNH LÂM				
57	Lê Thành Nghiệp	1965		Kinh	Ấp 7, xã Khánh Lâm
IV	XÃ KHÁNH TIẾN				
58	Lâm Văn Tạo	1953		Kinh	Ấp 3, xã Khánh Tiến
59	Nguyễn Văn Sậy	1948		Kinh	Ấp 8, xã Khánh Tiến
60	Lâm Tuấn Khanh	1955		Kinh	Ấp 9, xã Khánh Tiến
V	XÃ NGUYỄN PHÍCH				
61	Quách Thanh Sử	1951		Kinh	Ấp 2, xã Nguyễn Phích
62	Võ Ri Gân	1963		Kinh	Ấp 2, xã Nguyễn Phích
63	Trịnh Văn Tựu	1946		Kinh	Ấp 3, xã Nguyễn Phích
64	Phạm Thành Công	1956		Kinh	Ấp 3, xã Nguyễn Phích

65	Phạm Bình An	1946		Kinh	Áp 4, xã Nguyễn Phích
66	Võ Văn Ten	1950		Kinh	Áp 4, xã Nguyễn Phích
67	Châu Hoàng Trung	1957		Kinh	Áp 6, xã Nguyễn Phích
68	Đoàn Hồng Lạc	1961		Kinh	Áp 6, xã Nguyễn Phích
69	Nguyễn Việt An	1961		Kinh	Áp 6, xã Nguyễn Phích
70	Dương Văn Làng	1952		Kinh	Áp 6, xã Nguyễn Phích
71	Lê Văn Ái	1945		Kinh	Áp 6, xã Nguyễn Phích
72	Trần Việt Hồng	1971		Kinh	Áp 14, xã Nguyễn Phích
73	Bùi Thị Diễm Trang		1976	Kinh	Áp 15, xã Nguyễn Phích
74	Nguyễn Văn Lờ	1943		Kinh	Áp 15, xã Nguyễn Phích
VI	THỊ TRẦN U MINH				
75	Lâm Hoàng Hương	1982		Kinh	Khóm 1, thị trấn U Minh
76	Dư Thanh Hồng	1974		Kinh	Khóm 1, thị trấn U Minh
77	Trần Đắc Trường	1967		Kinh	Khóm 2, thị trấn U Minh
78	Nguyễn Hoàng Lâm	1962		Kinh	Khóm 2, thị trấn U Minh
79	Trịnh Hoàng Thọ	1955		Kinh	Khóm 2, thị trấn U Minh
80	Trịnh Hoàng Lâm	1964		Kinh	Khóm 2, thị trấn U Minh
81	Nguyễn Hoàng Văn	1943		Kinh	Khóm 3, thị trấn U Minh
82	Phạm Công Nhận	1971		Kinh	Khóm 3, thị trấn U Minh
83	Lê Hải Vân	1971		Kinh	Khóm 4, thị trấn U Minh
84	Nguyễn Minh Cà	1965		Kinh	Khóm 4, thị trấn U Minh

*

Cà Mau, ngày 10 tháng 7 năm 2020

DANH SÁCH
HỘ ĐẠT DANH HIỆU NÔNG DÂN SX – KD GIỎI CẤP TỈNH
GIẢI ĐOẠN 2016-2020

HUYỆN ĐÀM DƠI

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ
		Nam	Nữ		
1	Đoàn Văn Dũng	1951		Kinh	Áp Tân Phú, xã Tân Dân
2	Trần Thanh Tòng	1968		Kinh	Áp Tân Phú, xã Tân Dân
3	Trịnh Văn Ty	1977		Kinh	Áp Tân Phú, xã Tân Dân
4	Trần Văn Việt	1955		Kinh	Áp Tân Thành A, xã Tân Dân
5	Nguyễn Minh Chiến	1955		Kinh	Áp Tân Thành A, xã Tân Dân
6	Nguyễn Văn Đầu	1575		Kinh	Áp Tân Thành A, xã Tân Dân
7	Trương Văn Năm	1939		Kinh	Áp Tân Thành A, xã Tân Dân
8	Trần Văn Cọp	1961		Kinh	Áp Nam Chánh, xã Tân Dân
9	Nguyễn Minh Dũng	1964		Kinh	Áp Nam Chánh, xã Tân Dân
10	Nguyễn Văn Hương	1965		Kinh	Áp Nam Chánh, xã Tân Dân
11	Nguyễn Văn Đông	1954		Kinh	Áp Tân Long B, xã Tân Dân
12	Đào Văn Thông	1961		Kinh	Áp Tân Long B, xã Tân Dân
13	Ngô Thị Hồng		1961	Kinh	Áp Tân Long B, xã Tân Dân
14	Nguyễn Việt Bắc	1968		Kinh	Áp Tân Long B, xã Tân Dân
15	Nguyễn Hoàng Em	1960		Kinh	Áp Kinh Ngang, xã Quách Phẩm Bắc
16	Đỗ Hoàng Chiến	1960		Kinh	Áp Minh Điền, xã Quách Phẩm Bắc
17	Trần Văn Triều	1967		Kinh	Áp Minh Điền, xã Quách Phẩm Bắc
18	Trần Duy Chính	1961		Kinh	Áp Minh Điền, xã Quách Phẩm Bắc
19	Hồ Văn Đoàn	1976		Kinh	Áp Minh Điền, xã Quách Phẩm Bắc
20	Trần Thanh Dũng	1967		Kinh	Áp Minh Điền, xã Quách Phẩm Bắc
21	Huỳnh Phương Đông	1982		Kinh	Áp Minh Điền, xã Quách Phẩm Bắc
22	Nguyễn Phương Nam	1985		Kinh	Áp Minh Điền, xã Quách Phẩm Bắc
23	Trần Văn A	1937		Kinh	Áp Minh Điền, xã Quách Phẩm Bắc
24	Lâm Quốc Bảo	1949		Kinh	Áp Minh Điền, xã Quách Phẩm Bắc
25	Trần Văn Nhứt	1976		Kinh	Áp Minh Điền, xã Quách Phẩm Bắc

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ
		Nam	Nữ		
26	Nguyễn Văn Dữ	1961		Kinh	Áp Minh Điền, xã Quách Phẩm Bắc
27	Diệp Văn Vũ	1968		Kinh	Áp Nhà cũ, xã Quách Phẩm Bắc
28	Hứa Thanh	1973		Kinh	Áp Nhà cũ, xã Quách Phẩm Bắc
29	Nguyễn Văn Mút	1958		Kinh	Áp Bến Bào, xã Quách Phẩm Bắc
30	Nguyễn Bạch Nhựt	1948		Kinh	Áp Bến Bào, xã Quách Phẩm Bắc
31	Trần Văn Lạc	1957		Kinh	Áp Bến Bào, xã Quách Phẩm Bắc
32	Nguyễn Hiệp Thương	1955		Kinh	Áp Xóm Rẫy, xã Quách Phẩm Bắc
33	Nguyễn Thanh Khuýt	1971		Kinh	Áp Lung Vinh, xã Quách Phẩm Bắc
34	Huỳnh Văn Còn	1968		Kinh	Áp Lung Vinh, xã Quách Phẩm Bắc
35	Nguyễn Văn Út	1972		Kinh	Áp Lung Vinh, xã Quách Phẩm Bắc
36	Mai Tấn Lợi	1950		Kinh	Áp Lung Vinh, xã Quách Phẩm Bắc
37	Lê Quang Đào	1973		Kinh	Áp Lung Vinh, xã Quách Phẩm Bắc
38	Phan Văn Lợi	1978		Kinh	Áp Lung Vinh, xã Quách Phẩm Bắc
39	Nguyễn Chí Hiếu	1966		Kinh	Áp Lung Vinh, xã Quách Phẩm Bắc
40	Điền Văn Tấn	1953		Kinh	Áp Kinh Giữa, xã Quách Phẩm Bắc
41	Hứa Văn Cường	1971		Kinh	Áp Tân Thành A, xã Tạ An Khương Nam
42	Trần Quốc Cường	1966		Kinh	Áp Tân Thành A, xã Tạ An Khương Nam
43	Đặng Văn Vững	1952		Kinh	Áp Tân Thành B, xã Tạ An Khương Nam
44	Nguyễn Văn Hoàng	1953		Kinh	Áp Tân Hòa B, xã Tân Tiến
45	Nguyễn Đình Phường	1943		Kinh	Áp Cái Ngay, xã Thanh Tùng
46	Nguyễn Văn Tựu	1979		Kinh	Áp Tân Đức A, xã Tân Đức
47	Lê Minh Thông	1973		Kinh	Áp Tân An A, xã Tạ An Khương Đông
48	Nguyễn Văn Rেম	1947		Kinh	Áp Tân An A, xã Tạ An Khương Đông
49	Lê Thực Hiện	1969		Kinh	Áp Tân An B, xã Tạ An Khương Đông
50	Trần Thanh Nhân	1955		Kinh	Áp Tân An B, xã Tạ An Khương Đông
51	Nguyễn Dũng Sơn	1967		Kinh	Áp Tân An B, xã Tạ An Khương Đông
52	Lê Minh Còn	1977		Kinh	Áp Tân An B, xã Tạ An Khương Đông
53	Dương Quốc An	1979		Kinh	Áp Tân Thới, xã Tạ An Khương Đông
54	Trần Quốc Hương	1953		Kinh	Áp Tân Thới, xã Tạ An Khương Đông
55	Dương Tấn Nhiệm	1965		Kinh	Áp Tân Thới, xã Tạ An Khương Đông
56	Nguyễn Minh Leo	1968		Kinh	Áp Tân Thới A, xã Tạ An Khương Đông

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ
		Nam	Nữ		
57	Mai Hoàng Khoa	1974		Kinh	Ấp Tân Thới B, xã Tạ An Khương Đông
58	Huỳnh Hải Siêu	1962		Kinh	Ấp Xóm Mới, xã Tạ An Khương Đông
59	Đoàn Quốc Khánh	1971		Kinh	Ấp Vàm Đầm, xã Nguyễn Huân
60	Liêu Hoàng Thảo	1964		Kinh	Ấp Vàm Đầm, xã Nguyễn Huân
61	Nguyễn Quốc Việt	1949		Kinh	Ấp Hải An, xã Nguyễn Huân
62	Nguyễn Văn Công A	1962		Kinh	Ấp Hải An, xã Nguyễn Huân
63	Nguyễn Văn Dương	1953		Kinh	Ấp Hải An, xã Nguyễn Huân
64	Nguyễn Văn Lược	1953		Kinh	Ấp Hải An, xã Nguyễn Huân
65	Ngô Thanh Giàu	1967		Kinh	Ấp Hải An, xã Nguyễn Huân
66	Huỳnh Văn Thành	1968		Kinh	Ấp Hải An, xã Nguyễn Huân
67	Nguyễn Minh Hòa	1961		Kinh	Ấp Hải An, xã Nguyễn Huân
68	Nguyễn Văn Mạnh	1941		Kinh	Ấp Hải An, xã Nguyễn Huân
69	Kiều Minh Phụng	1967		Kinh	Ấp Hải An, xã Nguyễn Huân
70	Liên Hoàng Phước	1956		Kinh	Ấp Văn Luyện, xã Nguyễn Huân
71	Trần Minh Chiến	1961		Kinh	Ấp Phú Nhuận, xã Nguyễn Huân
72	Trần Hoàng Thái	1962		Kinh	Ấp Phú Nhuận, xã Nguyễn Huân
73	Diệp Minh Đường	1968		Kinh	Ấp Phú Nhuận, xã Nguyễn Huân
74	Lê Minh Tâm	1968		Kinh	Ấp Mai Hoa, xã Nguyễn Huân
75	Trương Minh Tâm	1968		Kinh	Ấp Mai Hoa, xã Nguyễn Huân
76	Châu Hoàng Bon	1968		Kinh	Khóm 1, thị trấn Đầm Dơi
77	Tạ Thanh Hải	1958		Kinh	Khóm 1, thị trấn Đầm Dơi
78	Huỳnh Vũ Phong	1955		Kinh	Khóm 1, thị trấn Đầm Dơi
79	Võ Thành Ký	1957		Kinh	Khóm 2, thị trấn Đầm Dơi
80	Phan Phước Chơn	1979		Kinh	Khóm 3, thị trấn Đầm Dơi
81	Ngô Bé Năm		1952	Kinh	Khóm 4, thị trấn Đầm Dơi
82	Nguyễn Trung Hải	1962		Kinh	Ấp Chà Là, xã Trần Phán

*

Cà Mau, ngày 10 tháng 7 năm 2020

DANH SÁCH
Hộ đạt danh hiệu Nông dân SX – KD giỏi cấp tỉnh
giai đoạn 2016 - 2020

Huyện Ngọc Hiển

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ
		Nam	Nữ		
1.	Nguyễn Thanh Nhanh	1979		Kinh	Ấp Rạch Gốc, xã Tân Ân
2.	Nguyễn Chí Hùng	1972		Kinh	Ấp Rạch Gốc, xã Tân Ân
3.	Hồ Thị Nhanh		1977	Kinh	Ấp Ô rô, xã Tân Ân
4.	Huỳnh Văn Tường	1950		Kinh	Ấp Ô rô, xã Tân Ân
5.	Hứa Thành Công	1955		Kinh	Ấp Ô rô, xã Tân Ân
6.	Lê Hùng Giang	1967		Kinh	Ấp Ô rô, xã Tân Ân
7.	Nguyễn Bé Ba	1963		Kinh	Ấp Đường Đào, thị trấn Rạch Gốc
8.	Hồng Quốc Cường	1974		Kinh	Ấp Đường Đào, thị trấn Rạch Gốc
9.	Nguyễn Văn Giới	1950		Kinh	Khóm 7, thị trấn Rạch Gốc
10.	Nguyễn Thành Công	1956		Kinh	Ấp Rạch Gốc B, thị trấn Rạch Gốc
11.	Diệp Văn Phùng	1953		Kinh	Ấp Rạch Gốc B, thị trấn Rạch Gốc
12.	Nguyễn Thanh Tín	1966		Kinh	Ấp Rạch Gốc B, thị trấn Rạch Gốc
13.	Diệp Minh Hoàng	1963		Kinh	Ấp Rạch Gốc B, thị trấn Rạch Gốc
14.	Trần Quốc Hùng	1981		Kinh	Ấp Rạch Gốc B, thị trấn Rạch Gốc
15.	Đỗ Quang Thọ	1962		Kinh	Khóm 8, thị trấn Rạch Gốc
16.	Châu Khải Hoàng	1957		Kinh	Khóm 8, thị trấn Rạch Gốc
17.	Hồng Chí Tâm	1969		Kinh	Khóm 8, thị trấn Rạch Gốc
18.	Hồng Chí Phong	1973		Kinh	Khóm 8, thị trấn Rạch Gốc
19.	Lê Thái Vũ	1951		Kinh	Khóm 8, thị trấn Rạch Gốc
20.	Từ Chí Toàn	1975		Kinh	Khóm 4, thị trấn Rạch Gốc
21.	Huỳnh Văn Thám	1962		Kinh	Khóm 4, thị trấn Rạch Gốc
22.	Tiết Phước Thành	1959		Kinh	Khóm 4, thị trấn Rạch Gốc
23.	Đào Văn Tươi	1955		Kinh	Ấp Tam Hiệp, thị trấn Rạch Gốc
24.	Tiết Minh Khởi	1970		Kinh	Ấp Tam Hiệp, thị trấn Rạch Gốc
25.	Tăng Kim Ngân	1960		Kinh	Ấp Tam Hiệp, thị trấn Rạch Gốc
26.	Nguyễn Thành Phương	1967		Kinh	Ấp Tam Hiệp, thị trấn Rạch Gốc
27.	Võ Văn Tùng	1969		Kinh	Khóm 6, thị trấn Rạch Gốc
28.	Lý Văn Đồi	1952		Kinh	Ấp Sác Cò, xã Viên An
29.	Lý Văn Lượm	1950		Kinh	Ấp Sác Cò, xã Viên An
30.	Nguyễn Minh Đờm	1964		Kinh	Ấp Sác Cò, xã Viên An
31.	Nguyễn Văn Danh	1963		Kinh	Ấp Vĩnh Nước Sôi, xã Viên An
32.	Nguyễn Văn Tùng	1946		Kinh	Ấp Vĩnh Nước Sôi, xã Viên An
33.	Lê Trọng Nghĩa	1951		Kinh	Ấp Vĩnh Nước Sôi, xã Viên An
34.	Nguyễn Văn Diệp	1956		Kinh	Ấp Vĩnh Nước Sôi, xã Viên An

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ
		Nam	Nữ		
35.	Nguyễn Kim Phúc		1956	Kinh	Ấp Xẻo Mắm, xã Viên An
36.	La Minh Sáng	1968		Kinh	Ấp Ông Linh, xã Viên An
37.	Võ Hoàng Cư	1956		Kinh	Ấp Ông Linh, xã Viên An
38.	Tạ Hoàng Dũng	1959		Kinh	Ấp Ông Trang, xã Viên An
39.	Ngô Thanh Hiền	1972		Kinh	Ấp Ông Trang, xã Viên An
40.	Tăng Hoàng Lanh	1969		Kinh	Ấp Ông Trang, xã Viên An
41.	Nguyễn Ngọc Em	1956		Kinh	Ấp Ông Trang, xã Viên An
42.	Võ Hoàng Phương	1965		Kinh	Ấp Xóm Biền, xã Viên An
43.	Nguyễn Thành Chương	1964		Kinh	Ấp Ông Trang A, xã Viên An
44.	Nguyễn Hoàng Ân	1976		Kinh	Ấp Ông Quyền, xã Tân Ân Tây
45.	Đỗ Thành Âm	1950		Kinh	Ấp Ông Như, xã Tân Ân Tây
46.	Đỗ Thu Tư	1959		Kinh	Ấp Tân Lập, xã Tân Ân Tây
47.	Lê Văn Nhứt	1963		Kinh	Ấp Tân Lập, xã Tân Ân Tây
48.	Bùi Thanh Vân	1957		Kinh	Ấp Bà Thanh, xã Tân Ân Tây
49.	Phạm Văn Với	1957		Kinh	Ấp Tân Trung, xã Tân Ân Tây
50.	Nguyễn Văn Dệt	1962		Kinh	Ấp Đường Kéo, xã Tân Ân Tây
51.	Nguyễn Văn Thanh	1956		Kinh	Ấp Nam Nghĩa, xã Tân Ân Tây
52.	Trần Thanh Tân	1950		Kinh	Ấp Nam Nghĩa, xã Tân Ân Tây
53.	Trần Văn Thuyền	1952		Kinh	Ấp Tân Tiến, xã Tân Ân Tây
54.	Hứa Minh Hải	1952		Kinh	Ấp Tân Tiến, xã Tân Ân Tây
55.	Nguyễn Kim Thất	1961		Kinh	Ấp Đồng Khởi, xã Tân Ân Tây
56.	Ngô Văn Thum	1952		Kinh	Ấp Duyên Hải, xã Tân Ân Tây
57.	Hà Trọng Tính	1955		Kinh	Ấp Duyên Hải, xã Tân Ân Tây

*

Cà Mau, ngày 10 tháng 7 năm 2020

DANH SÁCH
HỘ ĐẠT DANH HIỆU NÔNG DÂN SX – KD GIỎI CẤP TỈNH
GIẢI ĐOẠN 2016-2020

HUYỆN NĂM CĂN

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ
		Nam	Nữ		
1	Lê Trung Liệt	1968		Kinh	Áp Hai, xã Hàng Vịnh
2	Triệu Quốc Tuấn	1955		Kinh	Áp Một, xã Hàng Vịnh
3	Đặng văn Ngọc	1957		Kinh	Áp Ba, xã Hàng Vịnh
4	Trần Văn Yên	1955		Kinh	Áp Ba, xã Hàng Vịnh
5	Trương Văn Ky	1954		Kinh	Áp Tư, xã Hàng Vịnh
6	Nguyễn Hoàng Sơn	1960		Kinh	Áp Tư, xã Hàng Vịnh
7	Thạch Thịnh	1963		khmer	Áp Xóm Lớn Trong, xã Hàng Vịnh
8	Trịnh Hùng Thạnh	1963		Kinh	Áp Xóm Lớn Trong, xã Hàng Vịnh
9	Trần Minh Công	1956		Kinh	Áp Xóm Lớn Trong, xã Hàng Vịnh
10	Tạ Thanh Hậu	1981		Kinh	Áp Xóm Lớn Trong, xã Hàng Vịnh
11	Lâm Quang Hậu	1975		Kinh	Áp Kinh Tắc, xã Hàm Rồng
12	Võ Văn Phấn	1973		Kinh	Áp Chông Mỹ B, xã Hàm Rồng
13	Võ Văn Trường	1969		Kinh	Áp Cái Trắng, xã Hàm Rồng
14	Võ Việt Tiến	1965		Kinh	Áp Cái Trắng, xã Hàm Rồng